



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Trụ sở : 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

(84 – 28) 38753021

Fax : (84 – 28) 38753552

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Thời gian : **13h30 – Thứ Năm, ngày 11 tháng 01 năm 2018**

Địa điểm : Khách sạn Newworld - Số 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

| Thời gian | Nội dung |
|---------------|--|
| 13h30 – 14h00 | Đón khách, cổ đông đăng ký tham dự Đại hội |
| 14h00 – 14h10 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và tính hợp lệ của Đại hội |
| | Phát biểu khai mạc Đại hội |
| | Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu |
| | Thông qua chương trình Đại hội, quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội |
| 14h10 – 14h30 | (1) Tờ trình Phương án sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền |
| | (2) Tờ trình Phương án hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh theo Hợp đồng sáp nhập |
| | (3) Tờ trình Phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập |
| 14h30 – 14h50 | Thảo luận |
| 14h50 – 15h00 | Bỏ phiếu biểu quyết |
| 15h00 – 15h20 | Giải lao và tiến hành kiểm phiếu |
| 15h20 – 15h30 | Báo cáo kết quả kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử |
| | Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 |
| | Bế mạc Đại hội |

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH**
MSDN: 0301881016

550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc,
Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2017

THƯ MỜI

V/v: **Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bất thường năm 2018**

Kính gửi: Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (Công ty) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 (**Đại hội**) với nội dung như sau:

- Thời gian:** 13 giờ 30 phút, Thứ Năm, ngày 11/01/2018
- Địa điểm:** Phòng Mekong, Lầu 1, Khách sạn Newworld, số 76 Lê Lai, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Nội dung họp:**
 - Tờ trình về phương án sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền;
 - Tờ trình về phương án hoán đổi cổ phần và việc triển khai thực hiện phương án hoán đổi;
 - Tờ trình về phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau hoán đổi;
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

4. **Tài liệu Đại hội được đăng tải trên Website Công ty:** <http://bccci.com.vn>

5. **Đối tượng tham dự:**

Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 13/12/2017 (ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội) do Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam – chi nhánh TP. HCM cung cấp. Trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội, người được ủy quyền phải xuất trình cho Ban Tổ chức Giấy ủy quyền theo mẫu được đăng trên website Công ty trước khi khai mạc Đại hội, người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

6. **Các vấn đề khác:**

- Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Công ty theo thông tin liên lạc dưới đây hoặc ủy quyền cho người khác tham dự. Việc xác nhận tham dự Đại hội có thể thực hiện bằng điện thoại / fax / gửi thư / email cho Công ty trước 15:00 ngày 10/01/2018 theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: Phòng 01, tầng 12, Tòa nhà Sài Gòn Centre, 67 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM

Người nhận: Bà Lê Thị Ngọc Hiếu

Email: ngochieu@bccci.vn

Điện thoại: (028) 38226869- (ext 104)

Fax: (028) 38226828

- Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo bản chính của: Thư mời, Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền trong trường hợp ủy quyền dự họp để làm thủ tục đăng ký tham dự.

Trân trọng,



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/Giấy CNĐKDN số:cấp ngày:.....tại:.....

Địa chỉ thường trú:

Họ tên người đại diện (nếu là tổ chức):.....

Mã cổ đông:Số cổ phần sở hữu (*chốt đến ngày đăng ký cuối cùng*):

NAY, BẰNG VĂN BẢN NÀY ỦY QUYỀN CHO:

Ông/Bà:

CMND/CCCD số:cấp ngày:.....tại:.....

Hoặc

Thành viên Hội đồng quản trị: (*trường hợp Quý cổ đông muốn ủy quyền cho nhiều người, vui lòng ghi rõ số cổ phần ủy quyền cho từng thành viên*):

| Stt | Tên Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số cổ phần ủy quyền |
|-----|---------------------|---------|---------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

thay mặt tôi/ chúng tôi và đại diện cho toàn bộ số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu để tham dự và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 (Đại hội) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh tương ứng với số cổ phần ủy quyền.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội và nộp Giấy ủy quyền này cho Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày ...tháng....năm.....

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

NGƯỜI ỦY QUYỀN

Số: 01 /TT-BCCI-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Khang Điền

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán; và Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành kèm theo Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23/8/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; và Quy chế đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-VSD ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Công văn số 285/ĐKKD-NV ngày 24/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền về việc hoán đổi cổ phiếu, sáp nhập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; và
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sửa đổi ngày 10/4/2017, như được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm.

Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh ("**Công ty**", "**Bình Chánh**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thông qua phương án sáp nhập Bình Chánh vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("**Khang Điền**"). Hiện nay, Khang Điền đã sở hữu 49.696.778 cổ phiếu (tương đương 57,31% vốn điều lệ) của Bình Chánh; và theo phương án sáp nhập, Khang Điền sẽ phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi



37.023.366 cổ phiếu (tương đương 42,69% vốn điều lệ của Bình Chánh và không thuộc sở hữu của Khang Điền) đang lưu hành cho các cổ đông Công ty sở hữu số lượng cổ phiếu này theo danh sách cổ đông tại ngày chốt để hoán đổi cổ phiếu. Sau khi hoàn tất hoán đổi, Bình Chánh sẽ được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên do Khang Điền sở hữu 100% vốn điều lệ. Nội dung cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

HDQT kính trình ĐHCĐ thông qua phương án sáp nhập như sau:

1. Thông tin về Khang Điền như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302588596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 08/12/2017.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0302588596

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 801, Tầng 8, Tòa Nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Mai Chi Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành: 6810).

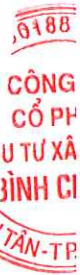
Tỷ lệ sở hữu hiện tại của Khang Điền trong Bình Chánh: 57,31% vốn điều lệ

2. Phương Thức Sáp Nhập:

- Bước 1: Khang Điền phát hành thêm cổ phần theo quy định của pháp luật và sử dụng số cổ phần này để hoán đổi 37.023.366 cổ phần phổ thông của Bình Chánh tương ứng với 42,69% vốn điều lệ cho tất cả cổ đông đang nắm giữ số cổ phần này (ngoại trừ cổ đông là chính Khang Điền) theo quy định với tỷ lệ hoán đổi là 1:1,4 (01 cổ phiếu Bình Chánh (mã chứng khoán: BCI) sẽ đổi được 1,4 cổ phiếu Khang Điền (mã chứng khoán: KDH)). Tại ngày chốt danh sách cổ đông Bình Chánh để thực hiện hoán đổi, toàn bộ số lượng 37.023.366 cổ phiếu BCI sẽ thuộc sở hữu duy nhất của Khang Điền, cổ phiếu BCI sẽ bị huỷ đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX") và huỷ đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD"), mọi giao dịch liên quan đến cổ phiếu BCI sau ngày chốt sẽ không còn giá trị.

Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần BCI của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký là cơ sở để các cổ đông này đến làm thủ tục nhận cổ phần KDH theo quy định về tỷ lệ hoán đổi. Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phần, tất cả các cổ đông này sẽ trở thành cổ đông của Khang Điền và Khang Điền trở thành chủ sở hữu 100% vốn điều lệ của Bình Chánh.

- Bước 2: Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu,
 - i. Vốn điều lệ của Khang Điền sẽ được tăng lên một khoản tương ứng với giá trị tổng số cổ phần thực tế mà Khang Điền đã phát hành thêm (tính trên mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) để hoán đổi 37.023.366 cổ phần tương ứng 42,69% vốn điều lệ của Bình Chánh, phù hợp với các quy định về tỉ lệ hoán đổi.
 - ii. Đồng thời, Bình Chánh sẽ được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Khang Điền sở hữu 100% vốn điều lệ ("Công Ty Mới").



3. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ:

Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định, Công Ty Mới sẽ được kế thừa toàn bộ tài sản, dự án, các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Bình Chánh (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, quyền tài sản, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng, giao dịch mà Bình Chánh ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào....) một cách toàn bộ và nguyên trạng.

Các nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập doanh nghiệp thực hiện theo thoả thuận giữa các bên tại Hợp đồng Sáp nhập và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận miễn thủ tục chào mua công khai trong quá trình thực hiện giao dịch sáp nhập trong trường hợp Luật Việt Nam có yêu cầu.

Các nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập doanh nghiệp thực hiện theo thoả thuận giữa các bên tại Hợp đồng Sáp nhập và quy định của pháp luật có liên quan.

II. THÔNG QUA HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP VÀ ĐIỀU LỆ CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP

1. Thông qua Hợp đồng Sáp nhập sẽ được ký kết giữa Khang Điền và Bình Chánh

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua dự thảo Hợp đồng Sáp nhập đồng thời giao người đại diện theo pháp luật của Khang Điền và Bình Chánh hoàn thiện, ký kết và tổ chức thực hiện Hợp đồng Sáp nhập đúng với quy định của pháp luật và các nội dung đã được phê duyệt tại Tờ trình này. Nội dung bản Dự thảo Hợp đồng Sáp nhập được đính kèm theo tờ trình này.

Hợp đồng Sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được ký kết.

2. Thông qua Điều lệ Khang Điền sau sáp nhập

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ Khang Điền sau sáp nhập ("**Điều lệ mới**"). Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Khang Điền hoàn thành đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp đề ghi nhận kết quả Khang Điền phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Bình Chánh. Điều lệ mới sẽ thay thế Điều lệ hiện hành cùng các phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khang Điền. Nội dung bản Dự thảo Điều lệ được đính kèm theo Tờ trình này.

III. THÔNG QUA VIỆC HỦY NIÊM YẾT VÀ HỦY LƯU KÝ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu BCI của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh niêm yết tại HSX và hủy đăng ký lưu ký chứng khoán của toàn bộ số lượng cổ phiếu BCI đang lưu ký tại VSD để thực hiện giao dịch sáp nhập.

IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc ủy quyền và giao cho HĐQT:

- Bổ sung và hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của Phương Án Sáp Nhập nếu thấy cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**") và/hoặc HSX và/hoặc VSD trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Hoàn thiện và quyết định việc thông qua các nội dung của các tài liệu liên quan đến việc hủy niêm yết và hủy đăng ký lưu ký cổ phiếu BCI phù hợp với quy định của pháp luật, gửi HSX, VSD và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin phép các chấp thuận cần có. Đồng thời, quyết định và thực hiện các công việc khác có liên quan đảm bảo thực hiện hủy niêm yết và hủy đăng ký lưu ký cổ phiếu BCI theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc sáp nhập theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;



- Chuẩn bị hồ sơ, tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết tại Phòng Đăng ký Kinh Doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để thực hiện và hoàn tất giao dịch sáp nhập, bao gồm cả việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao; và
- Tùy trường hợp cụ thể, cho phép HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



PHẠM MINH NHỰT



ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ
KHANG ĐIỀN
(Sửa đổi ngày .../01/2018)**

MỤC LỤC

| | | |
|-------|---|----|
| I. | ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... | 4 |
| | Điều 1. Định nghĩa..... | 4 |
| II. | TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY..... | 4 |
| | Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty..... | 4 |
| | Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty..... | 5 |
| III. | MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 5 |
| | Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... | 5 |
| | Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty..... | 5 |
| IV. | VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... | 5 |
| | Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập..... | 5 |
| | Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu..... | 6 |
| | Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác..... | 6 |
| | Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty..... | 6 |
| | Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... | 6 |
| | Điều 10. Thu hồi cổ phần..... | 7 |
| V. | CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT..... | 7 |
| | Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát..... | 7 |
| VI. | CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... | 7 |
| | Điều 12. Quyền của cổ đông..... | 7 |
| | Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông..... | 9 |
| | Điều 14. Đại hội đồng cổ đông..... | 9 |
| | Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 10 |
| | Điều 16. Đại diện được ủy quyền..... | 11 |
| | Điều 17. Thay đổi các quyền..... | 12 |
| | Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông..... | 13 |
| | Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 14 |
| | Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông..... | 14 |
| | Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| | Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| | Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |
| | Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |
| VII. | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 19 |
| | Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị..... | 19 |
| | Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị..... | 20 |
| | Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị..... | 20 |
| | Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị..... | 22 |
| | Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 22 |
| | Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị..... | 23 |
| | Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị..... | 25 |
| | Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty..... | 26 |
| VIII. | TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 26 |
| | Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý..... | 26 |
| | Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp..... | 27 |

| | | |
|--------|--|----|
| | Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành | 27 |
| IX. | BAN KIỂM SOÁT | 28 |
| | Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên..... | 28 |
| | Điều 37. Kiểm soát viên..... | 28 |
| | Điều 38. Ban kiểm soát..... | 29 |
| X. | TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 30 |
| | Điều 39. Trách nhiệm cần trọng | 30 |
| | Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 30 |
| | Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | 31 |
| XI. | QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 32 |
| | Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ..... | 32 |
| XII. | CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN | 32 |
| | Điều 43. Công nhân viên và công đoàn | 32 |
| XIII. | PHÂN CHIA LỢI NHUẬN | 32 |
| | Điều 44. Phân phối lợi nhuận..... | 32 |
| XIV. | TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN | 33 |
| | Điều 45. Tài khoản ngân hàng..... | 33 |
| | Điều 46. Năm tài khóa | 33 |
| | Điều 47. Chế độ kế toán..... | 33 |
| XV. | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 33 |
| | Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý | 33 |
| | Điều 49. Báo cáo thường niên | 34 |
| XVI. | KIỂM TOÁN CÔNG TY..... | 34 |
| | Điều 50. Kiểm toán | 34 |
| XVII. | CON DẤU | 34 |
| | Điều 51. Con dấu | 34 |
| XVIII. | CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ | 35 |
| | Điều 52. Chấm dứt hoạt động..... | 35 |
| | Điều 53. Gia hạn hoạt động | 35 |
| | Điều 54. Thanh lý | 35 |
| XIX. | GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 36 |
| | Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ | 36 |
| XX. | BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 36 |
| | Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ | 36 |
| XXI. | NGÀY HIỆU LỰC | 36 |
| | Điều 57. Ngày hiệu lực | 36 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ___ tháng ___ năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
 - Tên tiếng Anh : KHANG DIEN HOUSE TRADING AND INVESTMENT JONT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt : KHADIHOUSE JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Phòng 1 và 2, Lầu 11 Saigon Centre, 67 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (028) 38 208 858
- Fax : (028) 38 208 859
- E-Mail : info@khangdien.com.vn
- Website : www.khangdien.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông; trở thành công ty có quy mô lớn, có sản phẩm dịch vụ tốt cung cấp cho xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: ... đồng (*Bằng chữ: ...*).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành ... cổ phần (*Bằng chữ: ...cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi khác (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, Cổ đông phổ thông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - j. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo Điều lệ này và quy định của pháp luật;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì Giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì Giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này .
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ, được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết trước đó sẽ không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên

Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán và được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị Quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này;
Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên

hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp

Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể.

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 11.b Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Khoản 11.d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 40.5.b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là lá phiếu quyết định.
 14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
 15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và

một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - Có hiểu biết về pháp luật;
 - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
- Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;

- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- 4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 - 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

- 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

- 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng, cẩn trọng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp và người lao động.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển

cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên qua. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông

qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo kế toán năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ Thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền nhất trí thông qua ngày ____ tháng ____ năm 2018 tại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

TP Hồ Chí Minh, ngày ____ tháng ____ năm 2018

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
NHÀ KHANG ĐIỀN
Tổng Giám đốc**

Ngô Thị Mai Chi

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

DỰ THẢO

Số ...?

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN (KDH)

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH (BCI)

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP NÀY (“**Hợp Đồng**”) được lập và ký kết vào ngày ____ tháng ____ năm 2018, bởi và giữa các Bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN (KDH)

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 801, Tầng 8, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38 208 858 | Fax: (+84-28) 38 208 859

GCN ĐKDN: số 0302588596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/05/2007 và thay đổi lần thứ 18 ngày 08/12/2017

Mã số thuế: 0302588596

Người đại diện: Bà **Ngô Thị Mai Chi**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH (BCI)

Địa chỉ trụ sở chính: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 38753021 | Fax: +84 28 38753022

GCN ĐKDN: số 0301881016, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 24/12/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 23/1/2017

Mã số thuế: 0301881016

Người đại diện: Ông **Phạm Minh Nhựt**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Bên A và Bên B gọi riêng là “**Bên**”, gọi chung là “**Các Bên**”, “**Hai Bên**”.

XÉT VỊ:

- A. Bên A và Bên B là các công ty cổ phần đang niêm yết cổ phiếu tại HOSE (như được định nghĩa dưới đây) với mã chứng khoán lần lượt là KDH và BCI, cùng mong muốn tiến hành việc tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Bên B vào Bên A nhằm phát huy và tập trung nguồn lực tài chính của các Bên, nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường và đầu tư vì lợi ích tốt nhất cho các cổ đông của các Bên;
- B. Tại thời điểm ký kết của Hợp Đồng này, Bên A đang là một cổ đông của Bên B và đang nắm giữ 49.696.778 cổ phần của Bên B, tương ứng với 57,31% tổng số cổ phần của Bên B;

- C. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) của Bên A đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số ___/2018/NQ_ĐHĐCĐ ngày ___/___/2018 và ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số ___/2018/NQ_ĐHĐCĐ ngày ___/___/2018, theo đó đã đồng ý và phê duyệt (i) việc hoán đổi 37.023.366 cổ phiếu của Bên B bằng cổ phiếu của Bên A để Bên A trở thành chủ sở hữu duy nhất của Bên B; (ii) các nội dung chính của Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B.

NAY, DO ĐÓ, theo nguyên tắc tự nguyện và vì lợi ích chung của Các Bên, **CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU :**

ĐIỀU 1 ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

- 1.1 Ngoài trừ ngữ cảnh có yêu cầu khác, các thuật ngữ được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa như sau:

“**Bên Thứ Ba**” : nghĩa là bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào mà không phải là một trong Các Bên (dù xác định là có liên quan hoặc không liên quan đến một Bên);

“**Công Ty Mới**” : nghĩa là Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên được chuyển đổi từ Bên B và do Bên A sở hữu 100% vốn điều lệ;

“**GCN ĐKDN**” : nghĩa là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Bên A hoặc Bên B theo quy định của pháp luật;

Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền : có nghĩa như được quy định tại Điều 2.5.3

“**ĐHĐCĐ**” : là Đại hội đồng cổ đông;

“**Giao Dịch Sáp Nhập**” : có nghĩa như được quy định tại Điều 2.1;

“**HDQT**” : là Hội đồng quản trị;

“**Hợp Đồng**” : nghĩa là Hợp Đồng Sáp Nhập này được ký kết giữa Bên A và Bên B, bao gồm tất cả các phụ lục, phụ đính, sửa đổi, bổ sung bằng văn bản tùy từng thời điểm, nếu có;

“**HOSE**” : nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

“**Ngày Chốt Danh Sách**” : là ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Bên A, TTLKCK và quy định của pháp luật;

“**Ngày Hoàn Thành**” : có nghĩa là ngày mà tất cả các điều kiện nêu tại Điều 2.4.1 được đáp ứng;

- “Ngày Hoán Đổi”** : là ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi để lấy cổ phần của Bên A;
- “Ngày Ký Kết”** : là ngày ký kết Hợp Đồng này và được ghi ở trang đầu tiên của Hợp Đồng;
- “Thông Tin Mật”** : nghĩa là bất kỳ hoặc tất cả các thông tin hoặc dữ liệu được lưu trữ dưới bất kỳ hình thức nào, là tài sản thuộc sở hữu riêng và mang tính bảo mật với bất kỳ Bên nào theo quy định của Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn, sự tồn tại và các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, các thông tin dẫn chiếu đến hoặc liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập dự kiến được quy định trong Hợp Đồng này, ngoại trừ các thông tin hoặc dữ liệu:
- (a) hiện đang hoặc sau khi được tiết lộ sẽ trở thành thông tin phổ biến rộng rãi với đại chúng, ngoại trừ việc thông tin được phổ biến rộng rãi đó là kết quả của việc tiết lộ trái phép những thông tin đó của Bên nhận thông tin;
 - (b) được Bên Thứ Ba cung cấp mà bên đó không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ bảo mật;
 - (c) đã được Bên nhận thông tin sở hữu trước thời điểm Bên kia tiết lộ thông tin đó cho Bên nhận thông tin; hoặc
 - (d) được Bên nhận thông tin phát triển một cách độc lập mà không sử dụng Thông Tin Mật khi chưa được cho phép.
- Trong phạm vi của Hợp Đồng này, Thông Tin Mật cũng bao gồm bất kỳ và tất cả các thông tin hoặc dữ liệu có nguồn gốc từ Thông Tin Mật;
- “VND” hay “Đồng”** : nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
- “Vốn Điều Lệ”** : nghĩa là vốn điều lệ của Bên A hoặc Bên B như được ghi nhận trong GCNĐKDN của mỗi Bên;
- “UBCKNN”** : nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam;
- “TTLKCK”** : nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam; và
- “Tỷ Lệ Hoán Đổi”** : có nghĩa như được quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng.

1.2 Giải thích

Trong Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi:

- (a) các dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến “Điều” và “Phụ Lục” là dẫn chiếu đến điều của và phụ lục cho Hợp Đồng này;
- (b) các dẫn chiếu đến một tài liệu sẽ là dẫn chiếu đến cả tài liệu đó như được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc cập nhật tùy từng thời điểm;
- (c) văn bản luật hoặc các quy định trong văn bản luật sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản luật đó hoặc các quy định đó khi được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành thay thế tùy từng thời điểm (cả trước và sau Ngày Ký Kết), cũng như dẫn chiếu đến bất kỳ quy định, quy chế hoặc điều khoản thực hiện khác được ban hành theo đó;
- (d) ngày tháng và thời gian được hiểu là ngày tháng và thời gian ở Việt Nam;
- (e) nếu một khoảng thời gian được xác định từ, sau hoặc trước một ngày xác định hoặc ngày diễn ra một sự kiện hoặc hành động, khoảng thời gian vừa nêu trên sẽ không bao gồm ngày đó;
- (f) nếu một công việc được yêu cầu phải thực hiện vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, công việc đó sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp;
- (g) các tiêu đề và đề mục trong Hợp Đồng này được Các Bên thống nhất chỉ để cho mục đích tham khảo và Các Bên tuyên bố rằng các tiêu đề và đề mục này, trong mọi trường hợp, không ảnh hưởng đến ngữ nghĩa hay diễn giải Hợp Đồng này;
- (h) các phụ lục của Hợp Đồng này là một phần không tách rời của Hợp Đồng này và tham chiếu đến Hợp Đồng này sẽ bao gồm cả các phụ lục của Hợp Đồng này;
- (i) “bao gồm” nghĩa là “bao gồm nhưng không giới hạn”;
- (j) hình thức bằng văn bản sẽ bao gồm bất kỳ phương thức nào mà có thể đọc rõ ràng và lưu trữ lâu dài;
- (k) bất kỳ tham chiếu đến người nào sẽ bao gồm người kế thừa, người đại diện và người được ủy quyền hợp lệ của người đó; và
- (l) không có quy tắc giải thích nào sẽ được áp dụng dẫn đến bất kỳ việc giải thích nào bất lợi đối với một Bên chỉ bởi vì Bên đó có trách nhiệm cho việc chuẩn bị bất cứ phần nào trong Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2 SÁP NHẬP VÀ CÁC THỦ TỤC SÁP NHẬP

2.1 Sáp Nhập

Tùy thuộc vào việc hoàn tất các bước nêu tại Điều 2.4 dưới đây, vào Ngày Hoàn Thành, Bên B sẽ được sáp nhập vào Bên A thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu mới của Bên A để hoán đổi lấy 37.023.366 cổ phiếu của các cổ đông khác của Bên B (tương ứng với 42,69% tổng số cổ phần tại Bên B) để Bên A sở hữu 100% vốn điều lệ của Bên B; Bên B được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên do Bên

A sở hữu 100% vốn điều lệ (“**Công Ty Mới**”). Vào Ngày Hoàn Thành, Công ty Mới sẽ tiếp nhận và kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích hợp pháp; đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài sản, công nợ, lao động và các nghĩa vụ khác của Bên B.

(sau đây được gọi là “**Giao Dịch Sáp Nhập**”)

2.2 Phát Hành và Hoán Đổi Cổ Phần Nhằm Thực Hiện Giao Dịch Sáp Nhập

2.2.1 Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được thực hiện thông qua việc Bên A phát hành thêm cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần) để hoán đổi lấy 37.023.366 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần) của Bên B tương ứng với 42,69% tổng số cổ phần của các cổ đông khác của Bên B theo danh sách vào Ngày Hoán Đổi cho tất cả cổ đông khác của Bên B (ngoại trừ cổ đông là chính Bên A) theo Tỷ Lệ Hoán Đổi. Theo đó, sau khi hoàn tất việc hoán đổi, tất cả các cổ đông khác của Bên B sẽ trở thành cổ đông của Bên A và hưởng mọi quyền, lợi ích và có đầy đủ các nghĩa vụ như các cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phiếu mà cổ đông đó sở hữu.

2.2.2 Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phần theo Hợp Đồng này:

- (a) Bên B sẽ được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công Ty Mới thuộc 100% sở hữu của Bên A.
- (b) Vốn điều lệ của Bên A sẽ được tăng thêm một khoản tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông thực tế mà Bên A đã phát hành thêm nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần, để hoán đổi sở hữu 100% cổ phần của Bên B phù hợp với quy định tại Điều này.
- (c) Các cổ đông của Bên B theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền (“**Các Cổ Đông Hưởng Quyền**”) sẽ trở thành cổ đông của Bên A và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phần của Bên A mà họ được nhận theo Tỷ Lệ Hoán Đổi quy định tại Hợp Đồng này.
- (d) Mọi cổ phiếu của Bên B đã phát hành hoặc đang lưu hành ngay trước Ngày Hoán Đổi và tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần liên quan đến các cổ đông của Bên B (nếu có) sẽ không còn giá trị và tự động bị hủy bỏ và các cổ đông của Bên B sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phần đó cũng như liên quan đến vốn điều lệ của Công Ty Mới;

2.2.3 Để tránh nhầm lẫn, Bên A không phải phát hành thêm bất kỳ cổ phiếu nào của mình hay thanh toán bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào khác cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phiếu của Bên B.

2.2.4 Các Bên cũng đồng ý thêm rằng việc tính toán số cổ phiếu phân phối cho từng Cổ Đông Hưởng Quyền và cổ đông của Bên A theo Điều này sẽ do Bên A thực hiện và Bên B và các Cổ Đông Hưởng Quyền đồng ý với mọi tính toán như vậy của Bên A.

2.3 Tỷ Lệ Hoán Đổi Và Cổ Phần Hoán Đổi

- 2.3.1 Các Bên thống nhất rằng, vào Ngày Hoán Đổi, Bên A sẽ phát hành thêm cổ phần của mình (mã giao dịch trên HOSE là **KDH**) cho Các Cổ Đông Hưởng Quyền để đổi lấy 42,69% cổ phần của Bên B để sở hữu 100% cổ phần của Bên B theo phương thức sau:
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phần phổ thông của Bên B sang cổ phần phổ thông của Bên A là 1:1,4 (01 cổ phiếu của Bên B - mã chứng khoán BCI sẽ đổi được 1,4 cổ phiếu của Bên A – mã chứng khoán KDH) (“**Tỷ Lệ Hoán Đổi**”).
 - Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi không đủ 01 cổ phiếu KDH sẽ được hủy không tính. Số cổ phiếu lẻ phát sinh (phần thập phân) sẽ do Hội đồng quản trị của Bên A quyết định phương án xử lý phù hợp với quy định của pháp luật;
*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu BCI, với tỷ lệ hoán đổi 1:1,4 thì cổ đông A được nhận là $101 * 1,4 = 141,4$ cổ phiếu KDH, số cổ phiếu KDH thực nhận là 141 cổ phiếu, phần lẻ 0,4 sẽ hủy bỏ.*
 - Tỷ lệ hoán đổi nêu tại Khoản 2.3.1 Điều 2 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp.
- 2.3.2 Các Bên đồng ý và xác nhận rằng Các Cổ Đông Hưởng Quyền là cổ đông của Bên B và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của họ tại Bên B thành cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền thì Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ có giá trị sử dụng và Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
- 2.3.3 Vào Ngày Hoán Đổi, Các Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy cổ phần phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này. Không một cổ đông nào của Bên B được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Bên A hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phần phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phần của Bên A.
- 2.3.4 Bất kỳ cổ phần nào của Bên B bị ràng buộc bởi bất kỳ giao dịch bảo đảm nào cũng sẽ được hoán đổi lấy cổ phần của Bên A giống như các cổ phần phổ thông khác theo Điều 2 này. Bằng việc nhận hoán đổi cổ phiếu của Bên A, các Cổ Đông Hưởng Quyền cam đoan và bảo đảm rằng các cổ đông này đã xin được mọi chấp thuận cần thiết của các bên có liên quan đến giao dịch bảo đảm đó trước Ngày Hoán Đổi để tham gia việc hoán đổi quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng này và cam kết tuân thủ các điều kiện và điều khoản đó có liên quan đến các cổ đông này. Bên A và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, yêu cầu bồi thường nào có liên quan đến các giao dịch bảo đảm có phát sinh từ việc hoán đổi cổ phần theo Điều 2.3.

2.4 Ngày Hoàn Thành

2.4.1. Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ (“**Ngày Hoàn Thành**”):

- (a) Bên A được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp (“**GCN ĐKDN**”) sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm trên thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần để hoán đổi 37.023.366 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần) của Bên B tương ứng với 42,69% vốn điều lệ của Bên B; và
- (b) Công Ty Mới đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCN ĐKDN.

2.4.2. Vào Ngày Hoàn Thành, Giao Dịch Sáp Nhập sẽ có hiệu lực như được quy định tại Hợp Đồng này và các quy định hiện hành của Luật Việt Nam, tất cả các tài sản, quyền, đặc quyền, quyền sử dụng đất, quyền phát triển dự án, khả năng và quyền kinh doanh của Bên B sẽ được chuyển sang cho Công Ty Mới, và Công Ty Mới sẽ tiếp nhận, kế thừa và chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, Hợp đồng lao động và mọi nghĩa vụ, trách nhiệm hợp pháp khác từ Bên B.

2.5 Các thủ tục sáp nhập

2.5.1 Các thủ tục đã được Các Bên hoàn tất trước ngày ký Hợp Đồng này

Việc ký kết Hợp Đồng này phụ thuộc vào việc thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) ĐHĐCĐ của Bên A và ĐHĐCĐ của Bên B đã phê duyệt:
 - (i) Phương Án Sáp Nhập, bao gồm cả việc chấp thuận miễn thủ tục chào mua công khai trong quá trình thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập trong trường hợp Luật Việt Nam có yêu cầu;
 - (ii) Các nội dung chính của Hợp Đồng này;
 - (iii) Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A; và
 - (iv) Ủy quyền cho HĐQT của Bên A và Bên B tiếp tục tổ chức tiến hành thương lượng, đàm phán và ký kết Hợp Đồng này.
- (b) HĐQT của Bên A và HĐQT của Bên B đã thông qua Hợp Đồng này tương ứng theo các Nghị quyết số ___/2018/NQ_ĐHĐCĐ ngày ___/___/2018 và Nghị quyết số ___/2018/NQ_ĐHĐCĐ ngày ___/___/2018.
- (c) Cục Quản lý Cạnh tranh – Bộ Công thương có văn bản cho phép/không phản đối các Bên thực hiện việc sáp nhập hoặc xác nhận việc sáp nhập không vi phạm quy định về tập trung kinh tế HOẶC Hội đồng quản trị của Bên A và Bên B có cam kết tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh khi thực hiện việc sáp nhập.
- (d) Ý kiến của Bộ Kế hoạch – Đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập.

2.5.2 Các hành động phải được thực hiện sau ngày ký Hợp Đồng này

Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này, Bên A và Bên B sẽ hợp tác với nhau để tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập, bao gồm:

- (a) Bên A và Bên B phải thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của mình theo các quy định tại các hợp đồng, tài liệu giao dịch mà Bên A và Bên B đã ký kết với các chủ nợ của mình.
- (b) Bên A phải thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng (“Giấy Chứng Nhận Chào Bán”) do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp cho phép Bên A phát hành thêm cổ phần phổ thông để hoán đổi và sở hữu toàn bộ cổ phần của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- (c) Thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.
- (d) Bên A và Bên B phải thông báo cho người lao động của mình về Giao Dịch Sáp Nhập.
- (e) Bên B gửi cho Bên A các tài liệu sau:
 - (i) Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có);
 - (ii) Danh mục các hợp đồng của Bên B (bao gồm cả các hợp đồng thuê đất);
 - (iii) Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên B;
 - (iv) Danh sách các công ty con, công ty liên kết, tổ chức mà Bên B có cổ phần hoặc phần vốn góp và tỷ lệ vốn góp tương ứng của Bên B trong các công ty, tổ chức này;
 - (v) Danh sách người lao động của Bên B để Bên A lên phương án, kế hoạch sử dụng người lao động của Bên B sau Ngày Hoàn Thành;
 - (vi) Danh sách các khoản nợ phải trả và phương án giải quyết đối với các khoản nợ, các giao dịch và nghĩa vụ tài sản kèm theo (bao gồm cả khoản nợ thuế, bảo hiểm xã hội...); và
 - (vii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất.

2.5.3 Các hành động để hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập

- (a) Trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán (“Ngày T”), Bên A và Bên B phải tiến hành việc công bố thông tin về Giao Dịch Sáp Nhập và Giấy Chứng Nhận Chào Bán Cổ Phiếu Ra Công Chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- (b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ Ngày T, Bên B phải tiến hành các công việc sau:

- (i) Thông báo đề nghị tới Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("TTLKCK") và thực hiện các thủ tục có liên quan để chốt danh sách cổ đông ("**Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền**") của Bên B được hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A;
 - (ii) Gửi Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền cho Bên A.
- (c) Tại ngày chốt danh sách cổ đông của Bên B để hưởng quyền hoán đổi cổ phần để lấy cổ phần của Bên A ("**Ngày Hoán Đổi**"), Bên A tiến hành tính toán và phân bổ cổ phần cho các cổ đông của Bên B dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phần tại Điều 2.3 của Hợp Đồng này theo Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền.
- (d) Trong vòng mười (**10**) ngày kể từ Ngày Hoán Đổi, Bên A phải tiến hành:
 - (i) Tổng hợp kết quả của đợt phát hành cổ phần và thông báo kết quả cho UBCKNN;
 - (ii) Tiến hành thủ tục thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh của Bên A tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp GCN ĐKDN sửa đổi ghi nhận phần Vốn điều lệ tăng thêm một khoảng tương ứng với số cổ phần phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần để hoán đổi và 100% cổ phần phổ thông của Bên B;
 - (iii) Bên A phải tiến hành việc đăng ký chuyển đổi Bên B thành Công Ty Mới tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp GCN ĐKDN;
 - (iv) Bên A phải nộp hồ sơ xin lưu ký bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho TTLKCK để nhận chấp thuận lưu ký bổ sung;
 - (v) Bên A phải nộp hồ sơ xin niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B lên cho HOSE để nhận chấp thuận niêm yết bổ sung.

2.5.4 Các hành động phải thực hiện sau Ngày Hoàn Thành

Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được GCN ĐKDN của Công Ty Mới, Bên A và Công Ty Mới phải tiến hành các công việc sau đây:

- (a) Thực hiện việc công bố thông tin và/hoặc đăng bố cáo theo quy định của pháp luật sau khi được cấp GCN ĐKDN;
- (b) Thực hiện các thủ tục trả dấu của Bên B và xin cấp con dấu mới cho Công Ty Mới;
- (c) Tiến hành các thủ tục cần thiết để:
 - (i) Tiếp tục thực hiện các hợp đồng lao động với người lao động của Bên B;
 - (ii) Tiến hành đăng ký thay đổi quyền sở hữu sang Công Ty Mới đối với các tài sản có đăng ký sở hữu hoặc bắt buộc đăng ký sở hữu, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất, và các tài sản khác.

- (iii) Ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế các hợp đồng thỏa thuận mà Bên B đã ký với Bên thứ ba (nếu cần thiết); và
- (iv) Tất cả các công việc cần thiết khác để Công Ty Mới kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này.

Để tránh hiểu nhầm các Bên thống nhất rằng không phụ thuộc vào việc Công Ty Mới có thực hiện hoặc thực hiện xong các công việc nêu tại Khoản 2.5.4 Điều 2 này hay không, vào và kể từ Ngày Hoàn Thành, Công Ty Mới sẽ có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, như thể là Bên B, đối với tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B.

2.6 Các Điều Kiện Sáp Nhập

Các nghĩa vụ tương ứng của mỗi Bên trong Hợp Đồng này để thực hiện việc Sáp Nhập phải đáp ứng các điều kiện sau tại hoặc trước Ngày Hoàn Thành:

- (a) Ý kiến của Bộ Kế hoạch – Đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập.
- (b) Hợp Đồng này được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi HĐQT của Bên A và Bên B với các nội dung chính đã được ĐHĐCĐ của Các Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B ký kết.
- (c) Điều lệ của Bên A sau khi sáp nhập được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của cả Bên A và Bên B.
- (d) Điều lệ của Công Ty Mới đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi HĐQT của Bên A.
- (e) Từng Bên đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập và các tài liệu liên quan cho các chủ nợ của Bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn các Ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh của Bên đó và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên đó tham gia (nếu có).
- (f) Từng Bên đã thông báo về Giao Dịch Sáp Nhập cho tất cả người lao động của Bên đó theo quy định của pháp luật.
- (g) Giao Dịch Sáp Nhập này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- (h) Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có hay nên có từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ Bên thứ ba nào đều đã đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy Chứng Nhận Chào Bán do UBCKNN cấp cho Bên A để thực hiện Giao Dịch Sáp Nhập.
- (i) Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao Dịch Sáp Nhập theo yêu cầu của Luật chứng khoán, Luật Doanh Nghiệp, Luật Cạnh Tranh và các luật có liên

quan.

- (j) Bên A và Bên B thực hiện hoặc tuân thủ, trên mọi khía cạnh, tất cả những thỏa thuận được quy định trong Hợp Đồng này vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành.
- (k) Vào hoặc trước Ngày Hoàn Thành, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Bên A và Bên B được quy định tương ứng tại Hợp Đồng này vẫn đúng.
- (l) Không một Cơ quan nào của Chính Phủ ban hành, cấp, quy định hoặc buộc thực hiện bất kỳ luật lệ, phép tắc, quy định, lệnh mang tính chất hành pháp, nghị định, chỉ thị hoặc các lệnh khác (có tính chất tạm thời, sơ bộ hay ổn định) có hiệu lực làm việc sáp nhập trở nên bất hợp pháp hoặc nếu không gây ra những Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đối với Giao Dịch Sáp Nhập. Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể theo Hợp Đồng này có nghĩa là bất kỳ thay đổi, sự kiện, vi phạm, thiếu chính xác, hoàn cảnh hoặc hiệu ứng, bởi bất cứ một cơ quan có thẩm quyền nào, một cách đơn lẻ hay khi tổng hợp với những thay đổi, sự kiện, vi phạm, thiếu chính xác, hoàn cảnh hoặc hiệu ứng khác, gây bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh tài sản (bao gồm bất động sản), các ưu đãi đầu tư, sử dụng vốn, điều kiện tài chính hoặc các kết quả kinh doanh của thực thể đó để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng này và để hoàn tất Giao Dịch Sáp Nhập đúng hạn.

ĐIỀU 3 CÁC CAM KẾT CỦA BÊN A

Bên A bằng Hợp Đồng này cam kết với Bên B như sau:

3.1 Tổ Chức Và Tư Cách

Bên A là một doanh nghiệp được thành lập một cách hợp pháp theo Luật Việt Nam và có các khả năng và thẩm quyền cần thiết để sở hữu và kinh doanh các tài sản của mình và để thực hiện công việc kinh doanh hiện tại.

3.2 Thẩm Quyền Liên Quan Đến Hợp Đồng Đây

Bên A có đầy đủ khả năng và thẩm quyền cần thiết để ký kết Hợp Đồng này, để thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và hoàn thành Giao Dịch Sáp Nhập. Việc ký kết Hợp Đồng của Bên A là hợp pháp và được ủy quyền hợp lệ bởi tất cả các hành động cần thiết của các doanh nghiệp tương ứng và cấu thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực ràng buộc đối với họ.

3.3 Các Chấp Thuận; Cho Phép

- (a) Bên A đều không xung đột với hoặc vi phạm (i) bất kỳ yêu cầu pháp lý nào được áp dụng đối với Bên A, hay (ii) bất kỳ hợp đồng nào mà Bên A là một Bên hoặc qua đó Bên A bị ràng buộc hoặc bị ảnh hưởng, ngoại trừ các xung đột, lỗi hay vi phạm (của cá nhân hay tập thể) không làm cho Bên A phải gánh chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc bị thiệt hại lợi ích đáng kể nào.
- (b) Bên A nắm giữ tất cả các chấp thuận, giấy phép, những thay đổi, miễn trừ, yêu cầu và phê chuẩn quan trọng của các cơ quan Nhà nước cần phải có để hoạt động kinh doanh và sở hữu các tài sản của Bên A (“**Các Chấp Thuận**”). Các Chấp Thuận là hợp lệ, có đầy

đủ hiệu lực và giá trị thi hành, và Bên A đã tuân thủ đầy đủ các vấn đề quan trọng liên quan tới tất cả các cam kết, điều khoản và điều kiện của Các Chấp Thuận đó.

3.4 Không Có Các Thay Đổi

Đã không có bất kỳ sự kiện nào tồn tại, xảy ra hay phát sinh làm cho Bên A bị Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể.

3.5 Chấp Thuận Của Hội Đồng Quản Trị

Toàn thể HĐQT của Bên A, bằng các nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ kể từ ngày ký Hợp Đồng này, đã nhất trí (a) chấp thuận Hợp Đồng này và Giao Dịch Sáp Nhập, và (b) chỉ thị rằng việc thông qua Hợp Đồng này sẽ được đệ trình lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành Giao Dịch Sáp Nhập.

3.6 Cam kết không phát hành cổ phần

Bên A cam kết rằng kể từ Ngày Hoán Đổi cho đến Ngày Hoàn Thành, Bên A không tiến hành việc phát hành thêm cổ phần (ngoại trừ việc phát hành cổ phần của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này), chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình.

ĐIỀU 4 CÁC CAM KẾT CỦA BÊN B

Bên B bằng Hợp Đồng này cam kết với Bên A như sau:

4.1 Tổ Chức Doanh Nghiệp

Bên B là một tổ chức được thành lập hợp lệ, tồn tại hợp pháp theo Luật Việt Nam và có thẩm quyền và các chấp thuận cần thiết để thực hiện công việc kinh doanh hiện tại.

4.2 Thẩm Quyền Liên Quan Đến Hợp Đồng

Bên B đều có đầy đủ quyền và thẩm quyền cần thiết để ký kết Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và để hoàn tất Các Giao Dịch.

4.3 Cam kết không phát hành cổ phần

- (a) Bên B cam kết rằng kể từ Ngày Hoán Đổi cho đến Ngày Hoàn Thành, Bên B không tiến hành việc phát hành thêm cổ phần, chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phần của mình.
- (b) Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày Hoàn Thành, Bên B không phát hành bất kỳ cổ phần ưu đãi nào (bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác) và không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phần ưu đãi nào của Bên B.
- (c) Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày Hoàn Thành, Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi nào mà theo đó người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phần của Bên B và không có bất kỳ tổ chức, cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu, khoản nợ chuyển đổi của Bên B.

4.4 Các cam kết và bảo đảm khác

- (a) Bên B cam kết kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ tài sản, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- (b) Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao Dịch Sáp Nhập theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật.
- (c) Bên B có nghĩa vụ phối hợp cùng Bên A tiến hành thủ tục chuyển đổi Bên B thành Công Ty Mới và các thủ tục có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn: đăng ký thay đổi mẫu dấu, đăng ký thuế (nếu có) và các thủ tục chuyển đổi tài liệu giấy tờ khác đứng tên Công Ty Mới.

ĐIỀU 5 HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC HOẶC SAU NGÀY HOÀN THÀNH

5.1 Thực Hiện Hoạt Động Kinh Doanh Của Bên B

Trong khoảng thời gian từ ngày ký kết và cho tới trước khi chấm dứt Hợp Đồng này theo các điều khoản của Hợp Đồng, Bên B sẽ:

- (a) sử dụng mọi biện pháp hợp lý để duy trì hoạt động kinh doanh của mình như thường lệ, đều đặn và bình thường và tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật;
- (b) thanh toán các khoản nợ và các khoản thuế đến hạn;
- (c) thanh toán hay thực hiện các nghĩa vụ quan trọng khác khi đến hạn;
- (d) bảo quản các cơ sở đang thuê theo tất cả các điều khoản cơ bản của các hợp đồng thuê;
- (e) sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để:
 - (i) giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng,
 - (ii) duy trì công việc của những người lao động hiện tại, và
 - (iii) giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, và các cá nhân, tổ chức khác mà Bên B có quan hệ kinh doanh.

5.2 Các Hành Vi Không Được Thực Hiện Của Bên B

Trong khoảng thời gian từ khi ký kết Hợp Đồng đến Ngày Hoàn Thành, Bên B cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình, không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, công bố hay chi trả cổ tức, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng và đã tiến hành thông báo trước cho Bên A;
- (b) Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ Bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là Bên A hoặc Công Ty Mới sẽ phải chịu trách nhiệm trước Bên thứ ba sau khi sáp nhập

xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp Đồng;

- (c) Trừ khi được Bên A đồng ý, không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại Bên B;
- (d) Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện; không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ Bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;

5.3 Chuyển Giao Tài Sản Và Nghĩa vụ

5.3.1 Công Ty Mới sẽ kế thừa và tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền tài sản, quyền kinh doanh, khai thác dự án, quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác từ Bên B theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- (a) **Quyền sử dụng đất:** quyền sử dụng đất của Bên B được chuyển nhượng cho Công Ty Mới kể từ Ngày Hoàn Thành. Bên A hoặc Công Ty Mới sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để ký lại hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất hiện tại với bên cho thuê đất của Bên B.
- (b) **Sở Hữu Trí Tuệ:** Kể từ Ngày Hoàn Thành, Công Ty Mới có quyền sở hữu như Bên B đối với sở hữu trí tuệ hiện được sở hữu bởi hoặc được cấp cho Bên B (“**Sở Hữu Trí Tuệ**”). Công Ty Mới sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận quyền sở hữu này.
Sau Ngày Hoàn Thành, Bên A hoặc Công Ty Mới sẽ được phép thực hiện tất cả các quyền hiện có của Bên B theo tất cả các thỏa thuận quan trọng liên quan đến Sở Hữu Trí Tuệ trong cùng một phạm vi của các quyền mà Bên B có thể có được.
- (c) **Các tài sản khác:** đối với các tài sản khác mà không cần đăng ký quyền sở hữu và/hoặc chuyển giao quyền sở hữu theo quy định thì việc chuyển giao tài sản từ Bên B cho Công Ty Mới sẽ được xem là diễn ra vào Ngày Hoàn Thành.
- (d) Báo cáo tài chính được kiểm toán của Bên B vào ngày 30/06/2017 được các Bên thống nhất là cơ sở cho việc sáp nhập. Các Bên cũng không đánh giá lại tài sản sáp nhập và dựa vào giá trị sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính kiểm toán được lập vào ngày 30/06/2017 nói trên.

5.3.2 Chuyển giao quyền và nghĩa vụ:

- (a) Các Hợp Đồng : Bên A sẽ bị ràng buộc bởi bất cứ hợp đồng nào hiện có hiệu lực được ký kết giữa Bên B và Bên Thứ Ba.
- (b) Công Ty Mới sẽ chịu trách nhiệm về tất cả các nghĩa vụ, khoản nợ thuế, tài chính và các khoản nợ khác của Bên B dù tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào, dù có trước hay sau Ngày Hoàn Thành.

5.4 Bàn giao hồ sơ, tài liệu

- (a) Bên B đồng ý và cho phép Bên A tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng và Giao Dịch Sáp Nhập.
- (b) Toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của Bên B từ khi thành lập đến Ngày Hoàn Thành phải được chuyển giao cho Bên A hoặc Công Ty Mới trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ Ngày Hoàn Thành.

ĐIỀU 6 CÁC THỎA THUẬN KHÁC

6.1 Bảo Mật; Tiếp Cận Thông Tin

6.1.1 Bên B sẽ tạo điều kiện cho Bên A và các nhân viên kế toán, luật sư, người tư vấn và các đại diện khác của Bên A được tiếp cận hợp lý trong khoảng thời gian trước Ngày Hoàn Thành để thu thập các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm kết quả phát triển sản phẩm, tình trạng tài sản, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và nhân sự của Bên B, theo yêu cầu hợp lý của Bên A.

6.1.2 Các Bên cam kết sẽ bảo mật tất cả Thông Tin Mật, và nếu không được Bên còn lại đồng ý trước bằng văn bản, một Bên sẽ không tiết lộ cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào về bất kỳ và tất cả thông tin được trao đổi bằng văn bản của Các Bên theo Hợp Đồng này, trừ trường hợp:

- (a) Bên Thứ Ba là công ty mẹ, các chi nhánh, công ty con, các nhân viên, đại diện, ngân hàng, luật sư, nhà tư vấn hoặc cố vấn chuyên môn khác của Bên đó nhưng chỉ trong phạm vi hợp lý và cần thiết cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này với điều kiện rằng các quy định của Điều này sẽ áp dụng cho việc sử dụng thông tin được cung cấp của Bên Thứ Ba; hoặc
- (b) trong các trường hợp bắt buộc mà Bên đó được yêu cầu phải cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu và phải thông báo trước cho Bên còn lại kịp thời bằng văn bản ngay sau khi nhận được yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

Mỗi Bên sẽ không sử dụng các thông tin được đề cập trong đây cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện và hoàn thành Hợp Đồng này.

6.2 Các Nghĩa Vụ Hợp Lý; Thông Báo

Ngoài việc thực hiện các hành động được phép theo Hợp Đồng này, mỗi Bên đồng ý dùng các nỗ lực hợp lý để thực hiện tất cả những việc cần thiết, đúng đắn hoặc thích hợp để hoàn thành và làm phát sinh hiệu lực của Giao Dịch Sáp Nhập trong thời gian sớm nhất có thể. Liên quan đến và không bị giới hạn bởi các vấn đề nêu trên, Bên A và HĐQT của Bên A sẽ dùng các nỗ lực hợp lý để bảo đảm rằng Giao Dịch Sáp Nhập sẽ được hoàn tất trong thời gian sớm nhất.

6.3 Các Kế Hoạch Cho Người Lao Động

- (a) Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm Soát của Bên B sẽ được miễn nhiệm toàn bộ. Bên A sẽ lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty Mới phù hợp theo quy định và tiến hành bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên phù hợp cơ cấu tổ chức quản lý, quy định pháp luật và Điều lệ của Công Ty Mới.
- (b) **Chuyển giao Phúc Lợi và Trách nhiệm:** Công Ty Mới sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các Nhân Viên của Bên B (“**Nhân Viên**”), để cho việc Sáp Nhập không gây bất kỳ ảnh hưởng bất lợi đáng kể nào cho các Nhân Viên này. Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Nhân Viên vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Công Ty Mới.
- (c) **Chấm Dứt:** Đối với Nhân Viên của Bên B không muốn tiếp tục làm việc sau khi hoàn tất việc sáp nhập, Công Ty Mới sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo pháp luật lao động Việt Nam.
- (d) **Thỏa Ước Lao Động Tập Thể:** Bất kỳ thỏa ước lao động tập thể nào được ký kết giữa Bên B và Nhân viên đều được Công Ty Mới công nhận.
- (e) **Khoản Thanh Toán Chưa Trả:** Bất kỳ khoản thanh toán nào chưa được trả, bao gồm khoản thanh toán làm ngoài giờ, tiền thưởng, lương tháng thứ mười ba hoặc kế hoạch trợ cấp được ký kết giữa Bên B và Nhân Viên đều được Công Ty Mới đảm trách.
- (f) **Bảo Hiểm Xã Hội và Bảo Hiểm Y Tế:** Công Ty Mới phải tiếp tục trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho Nhân Viên sau khi sáp nhập, bằng với mức Bên B chi trả trước thời điểm chấm dứt.
- (g) **Các Nghĩa Vụ Đối Với người lao động Sau Khi Thôi Việc:** Tất cả các khoản thanh toán cho người lao động nghỉ hưu hoặc tiền trợ cấp thôi việc mà Bên B phải trả trở thành trách nhiệm của Công Ty Mới.
- (h) **Các Vấn Đề Về Lao Động:** phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật và các quy định liên quan đến việc làm, đào tạo, các điều khoản và điều kiện tuyển dụng lao động, phân biệt đối xử trong tuyển dụng lao động, phân loại người lao động, và tiền lương, phúc lợi, giờ làm việc, điều kiện làm việc, và an toàn lao động và y tế và dạy nghề, trong từng trường hợp, đối với Nhân Viên; và (ii) phải lưu giữ và báo cáo tất cả các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận liên quan đến tiền lương, phúc lợi và các khoản phải thanh toán khác cho Nhân Viên.

6.4 Lựa chọn tổ chức tư vấn hoán đổi để sáp nhập và niêm yết bổ sung phần cổ phiếu phát hành thêm

Các Bên thống nhất chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, là một công ty được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 05/04/2000, trụ sở tại số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thực hiện tư vấn công tác hoán đổi và niêm yết bổ sung phần cổ phiếu phát hành.

ĐIỀU 7 CHẤM DỨT VÀ SỬA ĐỔI

7.1 Chấm Dứt

7.1.1. Hợp Đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:

- (a) Giao Dịch Sáp Nhập đã hoàn tất theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này; hoặc
- (b) Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên về việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
- (c) Một hoặc các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

7.1.2. Trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng này.

7.2 Thông Báo Chấm Dứt; Hiệu Lực Của Việc Chấm Dứt

Bất kỳ sự chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 7.1 này có hiệu lực ngay khi có thông báo bằng văn bản của Bên chấm dứt với các Bên khác. Sự chấm dứt Hợp Đồng này không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên trong việc bảo mật thông tin trong Hợp Đồng này.

7.3 Sửa Đổi

Theo pháp luật hiện hành, Hợp Đồng này có thể được sửa đổi bởi các Bên tại bất kỳ thời điểm nào bằng việc thực hiện một quyết định bằng văn bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Các Bên.

ĐIỀU 8 CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Các Bản Ký Của Hợp Đồng

Hợp đồng này được lập thành sáu (6) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi Bên giữ ba (3) bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

8.2 Toàn Bộ Hợp Đồng; Lợi Ích Của Bên Thứ Ba

Hợp Đồng này và các tài liệu và các văn kiện và các thoả thuận khác giữa Các Bên trong Hợp Đồng này được quy định hoặc dẫn chiếu đến trong Hợp Đồng này (a) tạo thành toàn bộ hợp đồng giữa Các Bên liên quan đến mục đích của Hợp Đồng này và thay thế tất cả các hợp đồng hoặc thoả thuận sơ bộ trước đó; và (b) không có ý định trao cho, và sẽ không được giải thích như là việc trao cho, bất cứ người thứ ba nào bất cứ quyền nào hoặc các khoản bồi thường dưới đây.

8.3 Hiệu Lực Từng Phần

Trong trường hợp bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này, hoặc việc áp dụng quy định đó, trở nên hoặc bị toà án có thẩm quyền cam đoan là trái pháp luật, vô hiệu hoặc không thể thi hành, phần còn lại của Hợp Đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực. Các Bên thoả thuận thêm việc thay thế các quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành của Hợp Đồng này bằng một quy định có hiệu lực và có thể thực thi được mà sẽ đạt được, tới mức có thể, hiệu quả kinh tế, kinh doanh và các mục tiêu khác của quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành được đó.

8.4 Luật Áp Dụng Và Thẩm Quyền Xét Xử

Hợp đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Các Bên trong Hợp Đồng này dưới đây chấp thuận không huỷ ngang thẩm quyền xét xử tuyệt đối của Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VIAC). Địa điểm tiến hành tố tụng trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Số lượng trọng tài giải quyết tranh chấp là ba (3) người. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là tiếng Việt. Phán quyết của VIAC có hiệu lực ràng buộc và chung thẩm đối với các Bên.

8.5 Chuyển Nhượng

Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền, toàn bộ hoặc một phần, Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ nào dưới đây mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Các Bên khác. Hợp Đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với Các Bên trong Hợp Đồng này và những Bên kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng được phép.

ĐỂ XÁC NHẬN HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện được uỷ quyền của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trên.

Thay mặt và đại diện Bên A

Thay mặt và đại diện Bên B

DỰ THẢO

Tên:

Chức vụ:

Tên:

Chức vụ:

Số: 02.../TT-BCCI-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án hoán đổi cổ phiếu

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Công văn số 285/ĐKKD-NV ngày 24/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền về việc hoán đổi cổ phiếu, sáp nhập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; và
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sửa đổi ngày 10/4/2017, như được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm.

I. Mục đích hoán đổi cổ phiếu

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh ("**Công ty**", "**Bình Chánh**") có vốn điều lệ là 867.201.440.000 đồng, tương đương 86.720.144 cổ phiếu đang lưu hành. Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("**Khang Điền**") đang nắm giữ 57,31% vốn điều lệ Bình Chánh (tương đương 49.696.778 cổ phiếu). Trên cơ sở các quy định về tỷ lệ hoán đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Khang Điền và Bình Chánh, Khang Điền sẽ phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi 37.023.366 cổ phiếu Bình Chánh (mã chứng khoán: BCI) (tương đương 42,69% vốn điều lệ) đang lưu hành cho các cổ đông của Bình Chánh (ngoại trừ cổ đông là chính Khang Điền), để trở thành chủ sở hữu 100% Bình Chánh. Sau khi hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu, Bình Chánh sẽ được chuyển đổi loại hình

doanh nghiệp thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Khang Điền sở hữu 100% vốn điều lệ ("**Công Ty Mới**").

Hội đồng Quản trị ("**HDQT**") Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu, chi tiết như sau:

II. Phương Án Hoán Đổi Cổ Phiếu

| | |
|--|---|
| 1. Tổ chức phát hành: | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền |
| 2. Tên cổ phiếu phát hành thêm: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (Mã chứng khoán: <i>KDH</i>) |
| 3. Tên cổ phiếu được hoán đổi: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (Mã chứng khoán: <i>BCI</i>) |
| 4. Loại cổ phiếu phát hành thêm: | Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng |
| 5. Loại cổ phiếu được hoán đổi: | Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng |
| 6. Mệnh giá cổ phiếu: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 7. Số lượng cổ phiếu KDH dự kiến phát hành: | 51.832.712 cổ phiếu |
| 8. Số lượng cổ phiếu BCI được hoán đổi: | 37.023.366 cổ phiếu |
| 9. Tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định: | – 1:1,26 (1 cổ phiếu BCI sẽ đổi được 1,26 cổ phiếu KDH) căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Bình Chánh và Khang Điền do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (" VVFC ") thực hiện ngày 20/12/2017 |
| 10. Tỷ lệ hoán đổi thực hiện: | – 1:1,4 (1 cổ phiếu BCI sẽ đổi được 1,4 cổ phiếu KDH) – Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi, tức không đủ 01 cổ phiếu KDH, thì số cổ phiếu lẻ đó sẽ hủy bỏ, không tính. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu BCI, với tỷ lệ hoán đổi 1:1,4 thì cổ đông A được nhận là $101 \times 1,4 = 141,4$ cổ phiếu KDH, số cổ phiếu KDH thực nhận là 141 cổ phiếu, phần lẻ 0,4 sẽ hủy bỏ.</i> |
| 11. Giải trình chênh lệch giữa Tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định và Tỷ lệ hoán đổi thực hiện: | – Với quy mô Khang Điền hiện nay gần gấp 4 lần Bình Chánh về vốn cổ phần, do đó, tỷ lệ pha loãng cổ phiếu Khang Điền sau hoán đổi nếu tính theo tỷ lệ thực hiện (1:1,4) là 13,36% không chênh lệch đáng kể nếu theo tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định (1:1,26) là 12,19%. Việc thay đổi tỷ lệ hoán đổi, áp dụng tỷ lệ thặng dư (premium) tương đương 11,11%, phù hợp với uy tín của Khang Điền mong muốn áp dụng trả thêm cho các cổ đông |



| | |
|--|--|
| | Bình Chánh trong giao dịch hoán đổi cổ phiếu này. |
| 12. Đối tượng hoán đổi: | <ul style="list-style-type: none"> Tất cả cổ đông của Bình Chánh (ngoại trừ cổ đông là chính Khang Điền) có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu ("Ngày Hoán Đổi") để lấy cổ phiếu KDH ("Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền"). |
| 13. Phương thức hoán đổi: | <ul style="list-style-type: none"> Khang Điền dự kiến phát hành thêm 51.832.712 cổ phiếu để hoán đổi 37.023.366 cổ phiếu BCI còn lại, tương đương 42,69% tổng số cổ phiếu BCI đang lưu hành. Theo đó, các cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu BCI này sẽ nhận được một lượng cổ phiếu KDH tương ứng trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi nêu tại Mục 10 trên đây. Vào Ngày Hoán Đổi, tất cả cổ đông của Bình Chánh trong Danh Sách Cổ Đông Hưởng Quyền sẽ được hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu BCI thuộc sở hữu của mình lấy cổ phiếu KDH theo tỷ lệ hoán đổi. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Khang Điền hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu BCI thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản nào khác mà không phải là cổ phiếu KDH. Sau Ngày Hoán Đổi, mọi giao dịch liên quan đến cổ phiếu BCI sẽ không còn giá trị. Tất cả các cổ đông Bình Chánh, sẽ không còn quyền và lợi ích nào liên quan đến các cổ phần cũng như liên quan đến vốn điều lệ của Công Ty Mới. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần BCI của cổ đông chưa lưu ký là cơ sở để các cổ đông này đến làm thủ tục nhận cổ phiếu KDH theo các quy định về tỷ lệ hoán đổi. Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phần, tất cả các cổ đông Bình Chánh sẽ trở thành cổ đông của Khang Điền và Khang Điền sở hữu 100% vốn điều lệ của Bình Chánh. |
| 14. Thời gian dự kiến hoán đổi cổ phiếu: | Dự kiến bắt đầu trong năm 2018, ngay sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi. |

III. Triển Khai Thực Hiện

Để việc triển khai thực hiện công tác hoán đổi cổ phiếu được nhanh chóng và thuận lợi, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt việc ủy quyền và giao cho HĐQT:

- Bổ sung và hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của Phương Án Hoán Đổi cổ phiếu nếu thấy cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, UBCK và/hoặc Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Thực hiện thủ tục xin chốt tỉ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đối với cổ phiếu BCI ("**Room Nhà Đầu Tư Nước Ngoài**") trong thời gian thực hiện đợt phát hành thêm để hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng sáp nhập (nếu cần thiết) để đảm bảo cho cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được chuyển đổi đủ tỉ lệ trong đợt phát hành hoán đổi mà không vượt Room Nhà Đầu Tư Nước Ngoài theo quy định;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc phát hành theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao; và
- Tùy trường hợp cụ thể, cho phép HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



PHẠM MINH NHỰT



Số: 03 /TT-BCCI-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH11 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Công văn số 285/ĐKKD-NV ngày 24/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền về việc hoán đổi cổ phiếu, sáp nhập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; và
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, sửa đổi ngày 10/4/2017, như được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm.

Hội đồng quản trị ("**HDQT**") Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh ("**Công ty**", "**Bình Chánh**") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**") thông qua phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập của Công ty như sau:

- Sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Bình Chánh vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền ("**Khang Điền**"), Công ty sẽ được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Khang Điền sở hữu 100% vốn điều lệ ("**Công Ty Mới**"). Công Ty Mới sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định để được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("**GCNĐKDN**"). Công ty Mới sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, Hợp đồng lao động và mọi nghĩa vụ hợp pháp khác từ Bình Chánh.
- Việc thực hiện tổ chức lại và chuyển đổi Bình Chánh thành Công Ty Mới sẽ được giao cho HDQT của Khang Điền thực hiện. HDQT của Khang Điền sẽ xây dựng phương án chuyển đổi, điều lệ; quyết định tên, cơ cấu tổ chức quản lý phù hợp và các vấn đề khác có liên quan đến Công Ty Mới (nếu có); ban hành các tài liệu cần thiết khác theo quy định để tổ chức lại Công Ty Mới đảm bảo đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty sau sáp nhập. Tùy trường hợp cụ thể, cho phép HDQT Khang Điền được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên.
- Mọi hoạt động kinh doanh Công ty Mới vẫn được duy trì và phát triển theo kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chức vụ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
BÌNH CHÁNH
C. BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM MINH NHỰT